ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /KH-UBND	*Hưng Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên đến năm 2025

Thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác triển khai cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên đến năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai công bố, cung cấp danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên.

b) Kết nối, liên thông, chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để cung cấp dữ liệu mở trên hệ thống dữ liệu mở của tỉnh theo đúng quy định.

c) Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Yêu cầu

b) Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hưng Yên.

c) Các nội dung cung cấp dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

c) Xác định cụ thể trách nhiệm cung cấp, bảo đảm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ sử dụng dữ liệu. Việc thực hiện cung cấp dữ liệu phải thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Đến hết năm 2025, 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp dữ liệu mở.

2. Đến hết năm 2025, 100% dữ liệu mở của các cơ quan, đơn vị được chia sẻ lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên đảm bảo đồng bộ và an toàn dữ liệu.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng, quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên để cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên tại Phụ lục gửi kèm theo Kế hoạch này trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên với tên miền https://dulieumo.hungyen.gov.vn (dự kiến).

2. Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

3. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên và cập nhật dữ liệu mở vào Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

4. Thực hiện các giải pháp khuyến khích cá nhân, tổ chức cung cấp và khai thác dữ liệu mở theo quy định tại Khoản 4, Điều 19, Nghị định 47/2020/NĐ-CP: Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở.

5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ khi tham gia trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin dữ liệu mở của tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin dữ liệu mở và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên. Thời hạn hoàn thành: Quý III/2025.

c) Tham mưu xây dựng Dự thảo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên, trình UBND tỉnh ban hành.

d) Triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hưng Yên về Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên để chia sẻ, đảm bảo đồng bộ và an toàn thông tin.

đ) Chủ trì kịp thời điều chỉnh, bổ sung và công bố Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên; Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên hằng năm nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác của tổ chức, cá nhân, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tỉnh Hưng Yên.

e) Hỗ trợ các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên; Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên xác định nội dung, hình thức chia sẻ dữ liệu phù hợp lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

g) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật dữ liệu vào Hệ thống thông tin dữ liệu mở để cung cấp trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên đảm bảo đồng bộ và an toàn, kịp thời phục vụ nhu cầu thông tin cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

h) Tổng hợp tình hình cập nhật dữ liệu của cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hằng quý, năm và đột xuất.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

a) Hằng năm, chủ trì thực hiện rà soát dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông điều chỉnh, bổ sung và công bố Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên; Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên. Xác định sự phân loại đối với dữ liệu, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao, đảm bảo cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

b) Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện đề xuất công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu.

c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của cơ quan, đơn vị mình theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

đ) Bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách cập nhật dữ liệu theo phân công trong phụ lục vào Hệ thống thông tin dữ liệu mở để cung cấp trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên theo đúng nội dung, đúng thời hạn.

e) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với dữ liệu mở từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm từng bước thực hiện tự động hóa trong thực thi nhiệm vụ.

g) Tổ chức tuyên truyền về Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở; Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên; Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

(Chi tiết danh mục tại Phụ lục kèm theo).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công; Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và tình hình thực tế của tỉnh.

Định kỳ các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai cung cấp, duy trì dữ liệu mở gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trong tháng 12 hằng năm./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX[Ph].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC
Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
I	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC**			
1	Dữ liệu các thư viện trên địa bàn tỉnh	Tên thư viện; địa chỉ; điện thoại (*phân theo địa bàn*)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
2	Dữ liệu về số giáo viên từng cấp trên địa bàn	Tên địa bàn; cấp học; số giáo viên	- Sở Giáo dục và Đào tạo (*đơn vị trực thuộc Sở*); - UBND cấp huyện (*đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện*)	Năm học
3	Dữ liệu về số học sinh từng cấp trên địa bàn	Tên địa bàn; cấp học; số học sinh	- Sở Giáo dục và Đào tạo (*đơn vị trực thuộc Sở*); - UBND cấp huyện (*đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện*)	Năm học
4	Dữ liệu các Nhà trẻ trên địa bàn	Tên nhà trẻ; địa chỉ; điện thoại (*theo địa bàn cấp xã*)	UBND cấp huyện	Năm học
5	Dữ liệu các trường Mẫu giáo trên địa bàn	Tên trường; địa chỉ; điện thoại (*theo địa bàn cấp xã*)	UBND cấp huyện	Năm học
6	Dữ liệu các trường Tiểu học trên địa bàn	Tên trường; địa chỉ; điện thoại; số giáo viên; số học sinh (*theo địa bàn cấp xã*)	UBND cấp huyện	Năm học
7	Dữ liệu các trường Trung học cơ sở trên địa bàn	Tên trường; địa chỉ; điện thoại; số giáo viên; số học sinh	UBND cấp huyện	Năm học
8	Dữ liệu các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh	Tên trường; địa chỉ; điện thoại; số giáo viên; số học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm học
9	Dữ liệu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tên trường; địa chỉ; điện thoại; số giáo viên; số học sinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm học
10	Dữ liệu các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại; số giáo viên; số học sinh	- Sở Giáo dục và Đào tạo (*đơn vị trực thuộc Sở*); - UBND cấp huyện (*đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện*)	Năm học
11	Dữ liệu các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo thu thập và cung cấp lại	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm học
12	Dữ liệu danh sách các Trung tâm đào tạo Tin học trên địa bàn tỉnh	Tên đơn vị; địa chỉ; điện thoại liên hệ; tên chương trình đào tạo; loại chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo	6 tháng

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
		được phép cấp		
13	Dữ liệu danh sách các Trung tâm đào tạo Ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh	Tên đơn vị; địa chỉ; điện thoại liên hệ; tên chương trình đào tạo; loại chứng chỉ được phép cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	6 tháng
14	Dữ liệu các đầu sách, báo, tạp chí, tài liệu ở các thư viện trên địa bàn	Tên thư viện; địa chỉ; điện thoại; tên đầu sách, báo, tạp chí, tài liệu: Tên, số trang, tên (nhóm) tác giả; năm xuất (tái) bản (*có chọn lọc*)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Thư viện tỉnh*)	Năm
II	**LĨNH VỰC Y TẾ**			
15	Dữ liệu về các cơ sở được cấp phép đạt an toàn thực phẩm	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại (*phân theo địa bàn*)	Sở Y tế	Năm
16	Dữ liệu các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại (*theo địa bàn cấp huyện*)	Sở Y tế	Năm
17	Dữ liệu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại (*theo địa bàn cấp huyện*)	Sở Y tế	Năm
18	Dữ liệu về danh mục thuốc, thuốc đông y và thuốc từ dược liệu	Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Danh mục vị thuốc y học cổ truyền	Sở Y tế	Năm
19	Dữ liệu về giá thuốc được cấp phép lưu hành		Sở Y tế	6 tháng
20	Dữ liệu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại; (*kèm theo bảng giá dịch vụ; phân theo địa bàn*)	Sở Y tế	Năm
21	Dữ liệu về số giường bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tên cơ sở; số giường bệnh được cấp; số giường bệnh thực tế	Sở Y tế	Năm
22	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại	Sở Y tế	Năm
III	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, DU LỊCH**			
23	Dữ liệu các địa điểm du lịch tự nhiên về cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn tỉnh	Tên địa điểm; địa chỉ; mô tả (*theo địa bàn huyện*)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
24	Dữ liệu các địa điểm du lịch lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh	Tên địa điểm; địa chỉ *(theo địa bàn)*	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
25	Dữ liệu bảo tàng tỉnh Hưng Yên	Tên bảo tàng; địa chỉ; điện thoại; *kèm theo danh mục tài liệu, hiện vật tiêu biểu*	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
26	Dữ liệu các khu dịch vụ mua sắm, vui chơi, giải trí trên địa bàn tỉnh	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại (*phân theo địa bàn*)	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - UBND huyện	Năm
27	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch được cấp phép	Tên cơ sở; địa chỉ; điện thoại liên hệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
28	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Tên doanh nghiệp; địa chỉ; điện thoại	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
29	Dữ liệu các điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch	Tên điểm; địa chỉ; điện thoại	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
30	Dữ liệu các công ty lữ hành du lịch được cấp phép	Tên đơn vị; địa chỉ; điện thoại liên hệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
31	Dữ liệu danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh	Tên di sản; mô tả về di sản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
32	Dữ liệu các di sản văn hóa (*bao gồm di sản văn hóa vật thể và phi vật thể*) trên địa bàn tỉnh	Tên di sản; mô tả về di sản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
33	Dữ liệu các di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh	Tên di tích; địa chỉ; mô tả	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
34	Dữ liệu các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh	Tên di tích; địa chỉ; mô tả	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
35	Dữ liệu các danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
36	Dữ liệu các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh	Tên, nơi lưu giữ, quyết định công nhận bảo vật quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
37	Dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu được nhà nước ghi danh	Tên di sản văn hóa phi vật thể, địa chỉ, quyết định ghi danh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
38	Dữ liệu về chứng nhận đăng ký quyền tác giả của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh	Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; số ký hiệu, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
39	Dữ liệu công trình văn hóa về nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh	Tên công trình văn hóa; loại hình; địa điểm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
40	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Tên chương trình; địa điểm; cơ quan, đơn vị chủ trì; điện thoại liên hệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm
IV	**LĨNH VỰC XÃ HỘI**			
41	Dữ liệu về dân số, diện tích và mật độ dân số phân theo địa phương	Tên đơn vị hành chính cấp xã (*phân theo cấp huyện*); diện tích; dân số; mật độ dân số	Cục Thống kê	Năm
42	Dữ liệu hệ thống công trình hạ tầng xã hội về công viên, nhà vệ sinh công cộng, địa điểm thể dục thể thao	Tên công trình; địa điểm (*phân theo địa bàn*)	Sở Xây dựng	Năm
43	Dữ liệu về các Hội	Tên tổ chức; địa chỉ (*phân theo địa bàn cấp huyện*); điện thoại	- Sở Nội vụ (*phạm vi tỉnh*); - UBND cấp huyện (*phạm vi cấp huyện, cấp xã*)	Năm
44	Dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	Tên tổ chức; địa chỉ (*theo địa bàn cấp huyện*); điện thoại	Sở Tư pháp	Năm
45	Dữ liệu các quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Tên quỹ; địa chỉ; điện thoại; Sáng lập viên	- Sở Nội vụ (*phạm vi tỉnh*); - UBND cấp huyện (*phạm vi cấp huyện, cấp xã*)	Năm
46	Danh sách tổ chức/người thực hiện trợ giúp pháp lý	Tên tổ chức/cá nhân; địa chỉ (*theo địa bàn cấp huyện*); điện thoại	Sở Tư pháp	Năm
V	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM**			
47	Dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Tên doanh nghiệp; địa chỉ; điện thoại	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm
48	Dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi	Tỷ lệ	Cục Thống kê	Năm
49	Dữ liệu về lực lượng lao động phân theo loại hình kinh tế	Loại hình; số lao động	Cục Thống kê	Năm
50	Dữ liệu số hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh	Tên địa bàn; số hộ cận nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm
51	Dữ liệu số hộ nghèo và tỷ lệ nghèo trên địa bàn tỉnh	Số hộ nghèo và tỷ lệ nghèo (*phân theo địa bàn*)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm
52	Dữ liệu về danh sách	Tên đơn vị; địa chỉ; điện	Sở Lao động -	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
	doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh	thoại	Thương binh và Xã hội	
VI	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**			
53	Dữ liệu số thuê bao điện thoại di động	Tên địa bàn; số lượng thuê bao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
54	Dữ liệu số thuê bao điện thoại cố định	Tên địa bàn; số lượng thuê bao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
55	Dữ liệu số thuê bao băng rộng cố định	Tên địa bàn; số lượng thuê bao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
56	Dữ liệu số thuê bao băng rộng di động mặt đất	Tên địa bàn; số lượng thuê bao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
57	Dữ liệu điểm Wi-Fi công cộng	Tên địa bàn; số lượng thuê bao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
58	Dữ liệu về cấp mới, cấp lại, sửa đổi, thu hồi giấy phép bưu chính cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh	Loại; số lượng	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
59	Dữ liệu về mạng bưu chính công cộng trên địa bàn	Tên; địa chỉ; điện thoại (*phân theo địa bàn*)	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
60	Dữ liệu về cơ quan báo chí, trung ương và địa phương	Tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại, danh sách phóng viên (*phóng viên thường trú*)	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
61	Dữ liệu về các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn	Tên cơ sở; Họ tên và điện thoại chủ cơ sở; địa chỉ; loại dịch vụ; giờ mở cửa - đóng cửa	UBND cấp huyện	6 tháng
62	Dữ liệu về các cửa hàng, đại lý dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ; điện thoại	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
VII	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG, VẬN TẢI**			
63	Dữ liệu mạng lưới tuyến, biểu đồ chạy xe trên tuyến, giá vé xe buýt trên địa bàn	Tên tuyến, lịch trình, giá vé	Sở Giao thông vận tải	Khi có thay đổi
64	Dữ liệu các luồng, tuyến cố định hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	Tên tuyến, lịch trình, giá vé	Sở Giao thông vận tải	Khi có thay đổi

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
65	Dữ liệu vị trí các camera giám sát giao thông	Địa điểm, tọa độ	Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện	Khi có thay đổi
66	Dữ liệu các Ga đường sắt trong phạm vi lãnh thổ tỉnh		Sở Giao thông vận tải (*thu thập, cung cấp*)	Năm
67	Dữ liệu thông tin trên đường cao tốc trong phạm vi lãnh thổ tỉnh	Tên tuyến, vị trí, lý trình (điểm đầu, điểm cuối), cấp đường	Sở Giao thông vận tải (*thu thập, cung cấp*)	Năm
68	Dữ liệu các điểm đỗ xe công cộng trên địa bàn tỉnh	Tên (mô tả tên); địa chỉ; công suất; loại xe sử dụng	- Sở Giao thông vận tải; - UBND cấp huyện	Khi có thay đổi
69	Dữ liệu các các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ; điện thoại; loại hình đào tạo/sát hạch	Sở Giao thông vận tải	Khi có thay đổi
70	Dữ liệu vị trí các công trình báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu	Mô tả vị trí; tọa độ	- Sở Giao thông vận tải; - UBND cấp huyện	Năm
71	Dữ liệu các điểm trông giữ xe và giá dịch vụ trên địa bàn	(Mô tả) địa điểm; chủ địa điểm; điện thoại; loại xe; thời gian; biểu giá	UBND cấp huyện	Khi có thay đổi
72	Dữ liệu về số lượng cấp, đổi, di chuyển, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Số lượng cấp, đổi, di chuyển, thu hồi đăng ký, biển số xe	Sở Giao thông vận tải	Năm
73	Dữ liệu về cấp, đổi giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh	Loại; số lượng	Sở Giao thông vận tải	Năm
74	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Tuyến; giá	Sở Giao thông vận tải	Năm
75	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn tỉnh	Tuyến; giờ cấm	- Sở Giao thông vận tải; - UBND cấp huyện	Khi có thay đổi
76	Dữ liệu danh sách các hãng taxi trên địa bàn tỉnh	Tên hãng, số lượng xe	Sở Giao thông vận tải	6 tháng
77	Dữ liệu danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải	Tên doanh nghiệp; tên chủ doanh nghiệp; điện thoại; loại hàng hóa chính	Sở Giao thông vận tải	6 tháng
78	Dữ liệu về cấp, đổi, thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải	Loại; số lượng cấp, đổi, thu hồi giấy phép kinh doanh, phù hiệu	Sở Giao thông vận tải	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
VIII	**LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**			
79	Dữ liệu về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	Danh mục sản phẩm/hàng hoá/dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm
80	Dữ liệu về kết quả chương trình, nhiệm vụ khoa học	Tên chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ, địa điểm/địa bàn triển khai; kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm
81	Dữ liệu về danh mục chương trình, nhiệm vụ khoa học	Danh mục chương trình, nhiệm vụ khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm
82	Dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Danh mục Quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm: tên hàng hóa; tên Quy chuẩn; ngày ban hành; ngày có hiệu lực	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm
IX	**LĨNH VỰC KINH TẾ**			
83	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp, danh sách doanh nghiệp đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại	Tên doanh nghiệp; địa chỉ; loại (*đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại*)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6 tháng
84	Dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	Danh mục hàng hóa (xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)	Chi cục Hải quan tỉnh	Năm
85	Dữ liệu các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ; điện thoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm
86	Dữ liệu các liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ; điện thoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm
87	Dữ liệu về danh sách cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ; quy mô	Sở Công Thương	Năm
88	Dữ liệu về danh sách các chợ trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ	Sở Công Thương	Năm
89	Dữ liệu về danh sách các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ	Sở Công Thương	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
90	Dữ liệu về danh sách các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh	Tên; địa chỉ	Sở Công Thương	Năm
91	Dữ liệu cấp giấy phép sàn giao dịch thương mại điện tử	Tên thương nhân, tổ chức, cá nhân (*trên địa bàn tỉnh*); điện thoại; hàng hóa, dịch vụ	Sở Công Thương	6 tháng
X	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN**			
92	Dữ liệu vị trí địa lý các phân vùng rủi ro thiên tai	Mô tả về phân vùng; vị trí địa lý; loại cảnh báo (*bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, ..*)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
93	Dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất	Tên vị trí, Loại hình quan trắc, Kết quả quan trắc (các chỉ tiêu: pHKCl, N tổng số, P tổng số, K tổng số, Ca2+, Mg2+, Zn, Pb, Cu, As)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
94	Dữ liệu về chất lượng môi trường không khí	Tên vị trí, Loại hình quan trắc, Kết quả quan trắc (các chỉ tiêu: lưu huỳnh điôxit (SO2), nitơ điôxit (NO2), Cacbon mônô ôxit (CO), bụi lơ lửng tổng số (TSP), bụi PM10 và các thông số khí tượng: hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm tương đối, áp suất).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
95	Dữ liệu các khu vực có khoáng sản	Thông tin về các khu vực được quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
96	Dữ liệu cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản	Thông tin về các doanh nghiệp được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh còn hiệu lực đến thời điểm cung cấp (*kèm theo tệp Giấy phép*).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
XI	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**			
97	Dữ liệu về bảo hộ giống cây trồng	Danh mục giống cây trồng được bảo hộ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
98	Dữ liệu về dinh dưỡng đất lúa, sử dụng đất lúa	Các yếu tố dinh dưỡng liên quan đến cây trồng, sinh trưởng cây trồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
99	Dữ liệu về kế hoạch và kết quả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	- Kế hoạch sản xuất - Kết quả sản xuất	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - UBND cấp huyện	Năm
100	Dữ liệu các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, khuyến cáo người dân sử dụng	Tên thương mại phân bón; tên thương phẩm thuốc BVTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
101	Danh sách các cơ sở công bố tiêu chuẩn cơ sở chất lượng giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi	Chọn lọc công bố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
102	Danh sách các cơ sởchế biến sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Tên cơ sở; địa chỉ; loại hình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
103	Dữ liệu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi	Chọn lọc công bố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
104	Dữ liệu các cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Tên cơ sở; địa chỉ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
105	Danh sách các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnhDo loại vật nuôi, số lượng, đơn vị vật nuôi phân theo huyện, thị xã, thành phố	Loại vật nuôi; đơn vị tính; số lượng (*phân theo địa bàn*)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
106	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	Tên đơn vị; địa chỉ; điện thoại (*kèm theo giấy chứng nhận)*	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
107	Dữ liệu nhu cầu thị trường về sản phẩm chăn nuôi	Bản tin dự báo thị trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
108	Thông tin về giá và thị trường sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Loại sản phẩm chăn nuôi; đơn vị tính; giá dự báo (*theo tháng*)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Khi có thay đổi
109	Dữ liệu đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản	- Cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững; - Xác định trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác,	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
		đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường sống của loài thủy sản.		
110	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh	Loài thủy sản và sản phẩm thủy sản được nuôi trồng, kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
111	Dữ liệu cơ sở nuôi trồng thủy sản	Tên cơ sở; số điện thoại; địa điểm nuôi trồng; loại nuôi trồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
112	Dữ liệu dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước	Dự báo mức bảo đảm về nguồn nước trong vụ; dữ liệu cảnh báo phục vụ người dân; vùng, địa bàn; thời điểm - thời gian	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6 tháng
113	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất và dân sinh kinh tế	Dữ liệu trữ lượng nguồn nước trong công trình thủy lợi phục vụ công tác điều hành tưới, tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế. Vùng, địa bàn; thời điểm - thời gian; tình trạng trữ lượng nguồn nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6 tháng
XII	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**			
114	Danh sách danh mục dự án, chương trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm
115	Dữ liệu lãi suất tiền gửi của các tổ chức tín dụng	Tên tổ chức tín dụng; mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	Khi có sự thay đổi
116	Dữ liệu về bảng giá đất nông nghiệp	Tên Đơn vị hành chính; Khu vực; giá tiền/1m2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
117	Dữ liệu công khai ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh		- Sở Tài chính (*đơn vị dự toán cấp tỉnh*); - UBND cấp huyện	Năm
118	Dữ liệu về bảng giá đất phi nông nghiệp	Tên Đơn vị hành chính; Tên đường, phố, khu vực, vị trí và ranh giới khu vực giá, giá tiền/1m2 (đất ở)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
119	Dữ liệu về thông báo công khai việc đấu giá tài sản	Theo Quy định Luật Đấu giá tài sản năm 2016	Sở Tư pháp	Khi có nhu cầu

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
XIII	**LĨNH VỰC XÂY DỰNG**			
120	Dữ liệu giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	Loại vật liệu xây dựng; Đơn vị tính; Tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy cách/ nhà sản xuất/xuất xứ/; địa chỉ nơi sản xuất, Kho, mỏ; Giá theo khu vực (trước thuế VAT)	Sở Xây dựng	Tháng, quý
121	Dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh	Văn bản công bố	Sở Xây dựng	Năm
122	Dữ liệu về chỉ số giá nhà ở thuê	Nhà ở để cho thuê	Cục Thống kê	Quý; Năm
123	Dữ liệu các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị đang triển khai thực hiện trên địa bàn		Sở Xây dựng	6 tháng
124	Dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Phương án phân bổ khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	5 năm (2021-2025)
		Nhóm dữ liệu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	UBND cấp huyện	10 năm (2021-2030)
		Nhóm dữ liệu kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	UBND cấp huyện	Năm
125	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị		Sở Xây dựng	6 tháng
126	Dữ liệu về việc cấp phép xây dựng trên địa bàn	Tên tổ chức, cá nhân được cấp; địa điểm xây dựng; loại (*công trình; nhà ở riêng lẻ đô thị; nhà ở nông thôn*)	- Sở Xây dựng; - UBND cấp huyện	Quý
XIV	**LĨNH VỰC KHÁC**			
127	Dữ liệu các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tên khu công nghiệp, vịtrí địa lý, địa điểm, diện tích, giá thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng KCN, thời hạn thuê đất, cơ sở hạ tầng, lĩnh vực thu hút đầu tư, ưu đãi đầu tư,tình hình thu hút đầu tư, chủ đầu tư hạ tầng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Quý

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
128	Dữ liệu về doanh nghiệp/dự án đầu tư trong các KCN	Tên doanh nghiệp, địa điểm thực hiện dự án, lĩnh vực hoạt động	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Quý
129	Dữ liệu về danh sách các doanh nghiệp đang hoạt động tại cụm công nghiệp	Tên; địa chỉ; quy mô	Sở Công Thương	Năm
130	Dữ liệu website đã thực hiện thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng; đăng ký cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử với Bộ Công Thương	Địa chỉ website; Tên thương nhân, tổ chức, cá nhân (trên địa bàn tỉnh); Điện thoại; địa chỉ, mã số thuế,…	Sở Công Thương phối hợp thu thập, cung cấp	6 tháng